

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi
ly hôn giữa bà N và ông B.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Bà và ông B tổ chức đám cưới vào năm 2000, nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông B không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bà và ông B không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Trần N, sinh ngày 29/6/2002 và Nguyễn Trần L, sinh ngày 22/11/2013.

Hiện nay con chung Trần N đã thành niên bà không có yêu cầu gì, còn con chung Trần L đang sống với bà. Nếu được ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Thanh B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Ông B cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 14/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung giữa bà N và ông B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông B không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, bà N và ông B không còn sống chung với nhau tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về nuôi con chung: Bà N và ông B có hai con chung tên Nguyễn Trần N, sinh ngày 29/6/2002 và Nguyễn Trần L, sinh ngày 22/11/2013.

Hội đồng xét xử thấy rằng con chung Trần N đã thành niên, bà N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, còn con chung Trần L đang sống ổn định với bà N và nguyện vọng muốn sống với mẹ, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung nên để bà N trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Thanh B.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần L, sinh ngày 22/11/2013 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000797 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh